

Số: 469/SGDDĐT-QLCL
V/v hướng dẫn tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020

Phú Yên, ngày 17 tháng 6 năm 2020

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thị xã;
- Trường Cao đẳng nghề Phú Yên;
- Trường Trung cấp nghề Thanh niên dân tộc Phú Yên.

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông (gọi tắt là Quy chế thi); Công văn số 2115/BGDĐT-QLCL, ngày 12/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2020;

Để thực hiện nghiêm túc Quy chế thi và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) trong công tác tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020, Sở GDĐT Phú Yên hướng dẫn các đơn vị triển khai công tác tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 với một số nội dung sau:

1. Lịch thi

Ngày	Buổi	Bài thi/Môn thi thành phần của bài thi tổ hợp	Thời gian làm bài	Giờ phát đề thi cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài	
08/8/2020	SÁNG	08 giờ 00: Họp cán bộ làm công tác coi thi tại Điểm thi				
	CHIỀU	14 giờ 00: Thí sinh đến phòng thi làm thủ tục dự thi, đính chính sai sót (nếu có) và nghe phổ biến Quy chế thi, Lịch thi				
09/8/2020	SÁNG	Ngữ văn	120 phút	07 giờ 30	07 giờ 35	
	CHIỀU	Toán	90 phút	14 giờ 20	14 giờ 30	
10/8/2020	SÁNG	Bài thi KHTN	Vật lí	50 phút	07 giờ 30	07 giờ 35
			Hóa học	50 phút	08 giờ 30	08 giờ 35
			Sinh học	50 phút	09 giờ 30	09 giờ 35
	Bài thi KHXH	Lịch sử	50 phút	07 giờ 30	07 giờ 35	
		Địa lí	50 phút	08 giờ 30	08 giờ 35	
		Giáo dục công dân	50 phút	09 giờ 30	09 giờ 35	
CHIỀU	Ngoại ngữ	60 phút	14 giờ 20	14 giờ 30		
11/8/2020	SÁNG	Dự phòng				

2. Bài thi và hình thức thi

a) Bài thi

Tổ chức thi 05 bài thi, gồm: 03 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ; 01 bài thi tổ hợp Khoa học Tự nhiên (viết tắt là KHTN) gồm các môn thi thành phần Vật lí, Hóa học, Sinh học; 01 bài thi tổ hợp Khoa học Xã hội (viết tắt là KHXX) gồm các môn thi thành phần Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân đối với thí sinh học chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT hoặc các môn thi thành phần Lịch sử, Địa lí đối với thí sinh học chương trình GDTX cấp THPT.

b) Hình thức thi

- Các bài thi Toán, Ngoại ngữ và các bài thi tổ hợp: thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan (gọi tắt là thi trắc nghiệm);
- Bài thi Ngữ văn: thi theo hình thức tự luận.

3. Công tác phối hợp trong tổ chức Kỳ thi

Sở GDĐT phối hợp chặt chẽ với các sở, ban ngành trong tỉnh, nhất là là Thanh tra tỉnh và Công an tỉnh để thực hiện các chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh và Ban Chỉ đạo thi cấp quốc gia; bảo đảm thực hiện đúng Quy chế thi, hướng dẫn tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 của Bộ GDĐT và hướng dẫn thực hiện công tác phối hợp, bảo đảm an ninh, an toàn Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 do Cục An ninh Chính trị Nội bộ - Bộ Công an ban hành.

4. Các phần mềm dùng trong Kỳ thi

Các đơn vị thống nhất sử dụng các phần mềm trong Kỳ thi do Bộ GDĐT cung cấp:

- Phần mềm quản lý Kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển sinh năm 2020; Phần mềm hỗ trợ chấm thi tự luận (gọi tắt là hệ thống QLT); Sở GDĐT cấp tài khoản đăng nhập và tập huấn phần mềm QLT cho các đơn vị trực thuộc;
- Phần mềm chấm thi trắc nghiệm.

Các đơn vị phải thực hiện đúng quy định của Quy chế thi về phân công viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ sử dụng hệ thống phần mềm QLT, chấm thi; sử dụng có hiệu quả các thiết bị, phần mềm công nghệ thông tin khác phục vụ các khâu tổ chức Kỳ thi.

5. Kinh phí

- Ngân sách Nhà nước đảm bảo 100% kinh phí tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020, không thu lệ phí dự thi của thí sinh;

- Mức chi cho công tác tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 được vận dụng mức chi quy định tại Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND, ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Phú Yên và Quyết định số 14a/2019/QĐ-UBND, ngày 05/6/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định mức chi tổ chức các kỳ thi phổ thông cấp tỉnh và cấp quốc gia trên

địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Phú Yên.

6. Chế độ ưu tiên khuyến khích

Thực hiện theo công văn số 450/SGDDĐT-QLCL, ngày 09/6/2020 về việc danh sách các vùng ưu tiên xét tốt nghiệp THPT, tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2020 và tuyển sinh các cấp học năm học 2020-2021.

7. Công việc cụ thể cho từng khâu của Kỳ thi: Thực hiện theo Công văn số 2115/BGDĐT-QLCL, ngày 12/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 và hướng dẫn chi tiết tại các Phụ lục đính kèm.

8. Chế độ báo cáo, lưu trữ

a) Chế độ báo cáo: Các đơn vị thực hiện chế độ báo cáo nghiêm túc, kịp thời, đúng biểu mẫu quy định; phải cập nhật đầy đủ số liệu, kiểm tra bảo đảm độ chính xác trước khi báo cáo Sở GDĐT.

b) Nếu phát sinh tình huống đặc biệt trong quá trình chuẩn bị và tổ chức thi, nhất là các ngày tổ chức coi thi, chấm thi, phúc khảo, các đơn vị báo cáo ngay về Sở GDĐT.

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện hướng dẫn này. Nếu có vướng mắc hoặc đề xuất cần báo cáo ngay về Sở GDĐT (qua Phòng QLCL), Email: quanlychatluong@phuyen.edu.vn; điện thoại: 0257.3842060 để được hướng dẫn, phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục QLCL- Bộ GDĐT (báo cáo);
- Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng ban thuộc Sở;
- Công TTĐT Sở GDĐT;
- Lưu: VT, QLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Ngọc Thu

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 1

LỊCH CÔNG TÁC KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số 469/SGDDĐT-QLCL ngày 17/6/2020

của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
1	Tập huấn Quy chế thi và nghiệp vụ tổ chức thi	Phòng QLCL	Các đơn vị có thí sinh ĐKDT	Hoàn thành chậm nhất ngày 16/6/2020
2	Thành lập Ban Chỉ đạo thi các cấp	UBND tỉnh	Phòng QLCL, Phòng TCCB	Hoàn thành trước ngày 20/6/2020
3	Đăng ký dự thi, nhận Phiếu ĐKDT và nhập dữ liệu của thí sinh vào Hệ thống QLT	Các đơn vị ĐKDT	Các đối tượng thí sinh tham gia dự thi	Từ ngày 15/6 đến hết ngày 30/6/2020
4	In danh sách thí sinh ĐKDT theo thứ tự a, b, c,... của tên học sinh, lớp, trường; thí sinh ký xác nhận thông tin ĐKDT trên danh sách	Các đơn vị ĐKDT	Phòng QLCL	Hoàn thành chậm nhất ngày 07/7/2020
5	Kiểm tra, kiểm tra chéo thông tin thí sinh, bàn giao danh sách và Phiếu ĐKDT cho sở GDĐT	Các đơn vị ĐKDT	Phòng QLCL	Hoàn thành trước ngày 15/7/2020
6	Tổ chức các Hội đồng thi và các Ban của Hội đồng thi, chuẩn bị cho kỳ thi: Thành lập Hội đồng thi, quyết định cơ cấu, thành phần các Ban của Hội đồng thi	Phòng QLCL, Phòng TCCB	Các phòng có liên quan và các trường phổ thông	Hoàn thành chậm nhất 30/6/2020
7	Nhận Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp, hồ sơ kèm theo; nhập dữ liệu xét công nhận tốt nghiệp của thí sinh vào Hệ thống QLT	Các đơn vị ĐKDT	Phòng QLCL	Hoàn thành chậm nhất ngày 20/7/2020
8	Đánh số báo danh, lập danh sách thí sinh, xếp phòng thi theo từng bài thi/môn thi	Hội đồng thi		Hoàn thành chậm nhất ngày 23/7/2020
9	Cập nhật báo cáo trước kỳ thi vào Hệ thống QLT và gửi về Bộ	Phòng QLCL	Cục QLCL	Hoàn thành chậm nhất ngày

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
	GDDT			23/7/2020
10	Thông báo công khai những trường hợp thí sinh không đủ điều kiện dự thi	Thủ trưởng đơn vị ĐKDT		Hoàn thành chậm nhất ngày 23/7/2020
11	In và trả Giấy báo dự thi cho thí sinh	Các đơn vị ĐKDT		Hoàn thành chậm nhất ngày 01/8/2020
12	Chuẩn bị cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết để tổ chức thi cho các Điểm thi: Thẻ dự thi của thí sinh, văn phòng phẩm, văn bản biểu mẫu để tổ chức thi...	Hội đồng thi	Các trường chọn làm Điểm thi	Hoàn thành chậm nhất ngày 04/8/2020
13	Bàn giao đề thi đã in sao cho các Điểm thi	Ban In sao đề thi; Ban Vận chuyển và bàn giao đề thi	Các Điểm thi	Trong ngày 08/8/2020
14	Ban Coi thi làm việc	Ban Coi thi của Hội đồng thi	Các Điểm thi	Từ ngày 07/8/2020
15	Tập huấn nghiệp vụ coi thi cho Trưởng Điểm và Thư ký	Hội đồng thi, Ban Coi thi	Trưởng các Điểm thi và Thư ký	Từ 08 giờ, 00 ngày 07/8/2020
16	Tập huấn nghiệp vụ thi cho cán bộ làm nhiệm vụ thi tại các Điểm thi	Các Điểm thi	Cán bộ làm công tác thi tại Điểm thi	Từ 08 giờ, 00 ngày 08/8/2020
17	Thí sinh đến phòng thi làm thủ tục dự thi, đính chính sai sót (nếu có) và nghe phổ biến Quy chế thi, Lịch thi	Các Điểm thi	Cán bộ coi thi, thí sinh tham gia dự thi	Từ 14 giờ, 00 ngày 08/8/2020
18	Coi thi theo lịch thi	Ban Coi thi của Hội đồng thi	Các Điểm thi	Các ngày 09 và 10/8/2020
19	Cập nhật vào Hệ thống QLT báo cáo nhanh tình hình coi thi từng buổi thi	Các Điểm thi	Ban Thư ký Hội đồng thi	Buổi thi sáng, chậm nhất 11 giờ 30. Buổi thi chiều, chậm nhất 16 giờ 30

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
20	Nhận, bàn giao bài thi, hồ sơ thi tại các Điểm thi	Các Điểm thi	Ban Vận chuyển và bàn giao bài thi	Ngày 10/8/2020
21	Nhận, bàn giao bài thi, hồ sơ thi tại Sở GDĐT	Ban Vận chuyển và bàn giao bài thi	Ban Thư ký Hội đồng thi	Từ 15 giờ, 00 ngày 10/8/2020
22	Giao bài thi tự luận cho Ban Làm phách, bài thi trắc nghiệm cho Ban Chấm thi trắc nghiệm	Ban Thư ký Hội đồng thi	Ban Làm phách bài thi tự luận; Ban Chấm thi trắc nghiệm	Từ 16 giờ, 00 ngày 10/8/2020
23	Cập nhật vào Hệ thống QLT báo cáo tổng hợp số liệu và tình hình coi thi	Ban Thư ký Hội đồng thi	Cục QLCL	Chậm nhất 11 giờ 30 ngày 11/8/2020
24	- Tổ chức chấm thi; - Tổng kết công tác chấm thi; - Gửi dữ liệu kết quả thi về Bộ GDĐT; - Hoàn thành đối sánh kết quả thi	Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh; Hội đồng thi	Cục QLCL; Sở GDĐT	Hoàn thành chậm nhất ngày 26/8/2020
25	Công bố kết quả thi	Hội đồng thi	Các đơn vị ĐKDT	Ngày 27/8/2020
26	Hoàn thành xét công nhận tốt nghiệp THPT sơ bộ	Sở GDĐT	Các trường phổ thông	Hoàn thành chậm nhất ngày 30/8/2020
27	Cập nhật vào Hệ thống QLT và gửi báo cáo kết quả xét công nhận tốt nghiệp THPT sơ bộ về Bộ GDĐT; công bố kết quả tốt nghiệp THPT sơ bộ	Sở GDĐT	Cục QLCL	Hoàn thành chậm nhất ngày 01/9/2020
28	Cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, trả học bạ và các loại Giấy chứng nhận (bản chính) cho thí sinh	Hiệu trưởng trường phổ thông	Thí sinh dự thi	Hoàn thành chậm nhất ngày 04/9/2020
29	In và gửi Giấy chứng nhận kết quả thi cho thí sinh	Sở GDĐT	Các đơn vị ĐKDT	Hoàn thành chậm nhất ngày 04/9/2020
30	Thu nhận đơn phúc khảo và lập danh sách phúc khảo kể từ ngày	Các đơn vị ĐKDT	Sở GDĐT	Từ ngày 27/8 đến hết ngày

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
	công bố kết quả thi			05/9/2020
31	Các đơn vị ĐKDT chuyển dữ liệu phúc khảo cho Sở GDĐT/Hội đồng thi	Các đơn vị ĐKDT	Hội đồng thi	Hoàn thành chậm nhất ngày 07/9/2020
32	Tổ chức phúc khảo bài thi (nếu có)	Hội đồng thi	Ban Phúc khảo bài thi	Hoàn thành chậm nhất ngày 20/9/2020
33	Hoàn thành việc xét công nhận tốt nghiệp THPT sau phúc khảo	Sở GDĐT	Các trường phổ thông	Hoàn thành chậm nhất ngày 23/9/2020
34	Cập nhật vào Hệ thống QLT; gửi báo cáo và dữ liệu kết quả tốt nghiệp THPT chính thức về Cục QLCL	Sở GDĐT	Cục QLCL	Chậm nhất ngày 25/9/2020
35	Gửi danh sách thí sinh được công nhận tốt nghiệp THPT chính thức về Văn phòng Bộ GDĐT	Sở GDĐT	Văn phòng Bộ GDĐT	Chậm nhất ngày 30/9/2020

TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG THI VÀ ĐĂNG KÝ DỰ THI (Kèm theo Công văn số 469/SGDDĐT-QLCL ngày 17/6/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

1. Hội đồng thi: được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 8 Quy chế thi tốt nghiệp THPT (gọi tắt là Quy chế thi), lưu ý một số điểm sau:

a) Hội đồng thi do sở GDĐT tỉnh Phú Yên chủ trì, Hội đồng thi có nhiều Điểm thi.

b) Quy định mã trong kỳ thi:

- Tên sở: **Sở GDĐT Phú Yên**

- Mã Sở: **39**

- Tên Hội đồng thi: **Sở GDĐT Phú Yên**

- Mã Hội đồng thi: **39**

- Mỗi đơn vị đăng ký dự thi (ĐKDT) được sở GDĐT gán 01 mã số gồm ba chữ số từ 000 đến 999. Trong đó: mã số 000 là mã đơn vị ĐKDT tại sở GDĐT; từ 001, 002... là mã các trường THPT, trung tâm GDTX hoặc các cơ sở giáo dục tương đương khác (gọi chung là trường phổ thông); từ 901 đến 999 là mã các đơn vị ĐKDT dành cho thí sinh thuộc điểm b, c khoản 1 Điều 12 Quy chế thi (gọi chung là thí sinh tự do).

- Mã Điểm thi: được Hội đồng thi gán mã số từ 01 đến hết.

Các đơn vị ĐKDT thi được cấp 01 tài khoản để truy cập vào hệ thống QLT; sau khi đăng nhập vào hệ thống QLT, các đơn vị nhập các thông tin theo quy định trong Hệ thống QLT; rà soát lại danh sách và thông tin có liên quan đến đơn vị ĐKDT đảm bảo đúng quy định.

2. Đăng ký dự thi

2.1. Đối tượng dự thi gồm:

- Người đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi;
- Người đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước;
- Người đã có Bằng tốt nghiệp THPT, người đã có Bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh đại học, cao đẳng;
- Một số trường hợp đặc biệt khác do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định.

2.2. Điều kiện dự thi:

a) Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Quy chế thi phải bảo đảm được đánh giá ở lớp 12 đạt hạnh kiểm xếp loại từ trung bình trở lên và học lực không bị xếp loại kém; riêng đối với người học thuộc diện không phải xếp loại hạnh kiểm và người học theo hình thức tự học có hướng dẫn thuộc chương trình GDTX thì không yêu cầu xếp loại hạnh kiểm;

b) Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Quy chế thi phải có Bằng tốt nghiệp THCS và phải bảo đảm được đánh giá ở lớp 12 đạt hạnh kiểm xếp loại từ trung bình trở lên và học lực không bị xếp loại kém; trường hợp không đủ

điều kiện dự thi trong các năm trước do bị xếp loại kém về học lực ở lớp 12, phải đăng ký và dự kỳ kiểm tra cuối năm học đối với một số môn học có điểm trung bình dưới 5,0 (năm) điểm (tại trường phổ thông nơi học lớp 12 hoặc trường phổ thông nơi ĐKDT), bảo đảm khi lấy điểm bài kiểm tra thay cho điểm trung bình môn học để tính lại điểm trung bình cả năm thì đủ điều kiện về học lực theo quy định;

c) Đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 của Quy chế thi phải bảo đảm học và thi đạt yêu cầu đủ số lượng các môn văn hóa THPT theo quy định của Luật giáo dục và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ GDĐT;

d) Các đối tượng dự thi phải ĐKDT và nộp đầy đủ các giấy tờ đúng thời hạn.

2.3. Nơi đăng ký dự thi

+ Đối tượng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Quy chế thi đăng ký dự thi tại trường phổ thông nơi đang học lớp 12.

+ Đối tượng theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 12 Quy chế thi (thí sinh tự do, thí sinh hệ GDTX); Thí sinh tự do chưa tốt nghiệp hoặc đã tốt nghiệp THPT nộp hồ sơ ĐKDT tại các trung tâm GDNN-GDTX huyện, thị xã; trường Trung cấp nghề Thanh niên dân tộc Phú Yên; trung tâm GDTX tỉnh; trường Cao đẳng nghề Phú Yên theo địa bàn nơi đang cư trú (theo xác nhận về cư trú của chính quyền cấp xã) hoặc nơi đang học tập, làm việc.

2.4. Đăng ký dự thi

Hiệu trưởng trường phổ thông hoặc Thủ trưởng đơn vị nơi thí sinh nộp Phiếu đăng ký dự thi chịu trách nhiệm hướng dẫn đăng ký dự thi, thu Phiếu đăng ký dự thi, nhập thông tin thí sinh đăng ký dự thi, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi và chuyển hồ sơ, dữ liệu đăng ký dự thi cho sở GDĐT và lưu ý một số điểm sau:

a) Các trường phổ thông chịu trách nhiệm hướng dẫn thí sinh chuẩn bị hồ sơ và điền vào Phiếu ĐKDT kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển sinh đại học, cao đẳng (ĐH, CD) năm 2020 (gọi tắt là Phiếu ĐKDT) đầy đủ và đúng các thông tin; rà soát hồ sơ đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT để bảo đảm độ chính xác thông tin thí sinh điền vào Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, đặc biệt là thông tin về diện ưu tiên để được cộng điểm ưu tiên (nếu có); xem xét và quyết định điều kiện dự thi của thí sinh; tuyệt đối không tiếp nhận hồ sơ không hợp lệ.

b) Các điểm nhận hồ sơ ĐKDT cần chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho việc ĐKDT (ví dụ: nơi đón tiếp thí sinh đến đăng ký, máy ảnh, máy vi tính, Phiếu ĐKDT, Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, Túi hồ sơ,...); tổ chức kiểm tra, kiểm tra chéo thông tin thí sinh ĐKDT, đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, đặc biệt lưu ý các thông tin về diện ưu tiên, điểm khuyến khích trong xét công nhận tốt nghiệp THPT.

c) Khi ĐKDT, thí sinh phải kê khai bảo đảm chính xác các thông tin về mã tỉnh, mã trường phổ thông... đúng quy định; đồng thời nghiên cứu kỹ hướng dẫn thực hiện Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành để ghi các thông tin vào mục đăng ký xét tuyển sinh ĐH, CD trong Phiếu ĐKDT.

d) Đăng ký bài thi tổ hợp/ môn thi thành phần: Thí sinh dự thi để xét công nhận tốt

ngiệp THPT chỉ được ĐKDT một bài thi tổ hợp (KHTN hoặc KHXH); thí sinh tự do chỉ được ĐKDT các môn thi thành phần trong cùng một bài thi tổ hợp.

đ) Với bài thi Ngoại ngữ, thí sinh được tự chọn để ĐKDT một trong 6 (sáu) ngôn ngữ sau: Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Đức hoặc Tiếng Nhật. Thí sinh được đăng ký thi môn Ngoại ngữ khác với môn Ngoại ngữ đang học tại trường phổ thông; thí sinh là học viên GDTX được ĐKDT bài thi Ngoại ngữ để lấy kết quả xét tuyển sinh ĐH, CĐ.

Các trường hợp được miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT:

- Thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

- Thí sinh có một trong các chứng chỉ Ngoại ngữ (giống hoặc khác với môn Ngoại ngữ đang học tại trường phổ thông) hợp lệ, có giá trị sử dụng ít nhất đến ngày 08/8/2020 và đạt mức điểm tối thiểu theo bảng dưới đây:

TT	Môn Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu	Đơn vị cấp chứng chỉ
1	Tiếng Anh	- TOEFL ITP 450 điểm - TOEFL iBT 45 điểm	Educational Testing Service (ETS)
		IELTS 4.0 điểm	- British Council (BC) - International Development Program (IDP)
2	Tiếng Nga	TORFL cấp độ 1 (Первый сертификационный уровень - ТРКИ-1)	Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Hà Nội (The Russian centre of science and culture in Hanoi)
3	Tiếng Pháp	- TCF (300-400 điểm) - DELF B1	Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pedagogiques - CIEP)
4	Tiếng Trung Quốc	- HSK cấp độ 3 - TOCFL cấp độ 3	- Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Han Ban); Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese); Tổng bộ Viện Khổng tử (Trung Quốc); - Ủy ban công tác thúc đẩy Kỳ thi đánh giá năng lực Hoa ngữ quốc gia (Steering Committee for the Test of Proficiency –Huayu)
5	Tiếng Đức	- Goethe-Zertifikat B1 - Deutsches Sprachdiplom (DSD) B1 - Zertifikat B1	Ủy ban giáo dục phổ thông Đức tại nước ngoài (ZfA)

TT	Môn Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu	Đơn vị cấp chứng chỉ
6	Tiếng Nhật	JLPT cấp độ N3	Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)

e) Thí sinh có nguyện vọng được bảo lưu điểm thi của kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 trong xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2020. Điểm bảo lưu do Hiệu trưởng trường phổ thông nơi thí sinh dự Kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 kiểm tra và xác nhận (trong trường hợp thí sinh dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 tại tỉnh khác với tỉnh đã dự thi Kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 thì việc xác nhận điểm bảo lưu phải do sở GDĐT nơi thí sinh đã dự thi năm 2019 thực hiện kiểm tra và xác nhận).

g) Lưu ý khi ĐKDT đối với thí sinh tự do:

- Thí sinh tự do dự thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT nộp hồ sơ ĐKDT tại các điểm tiếp nhận do Sở GDĐT quy định và phải dự thi tại Điểm thi mà các thí sinh đang học THPT của đơn vị ĐKDT đó dự thi theo quy định.

- Thí sinh tự do dự thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT có học bạ theo chương trình THPT nào phải ĐKDT theo quy định của chương trình đó.

- Thí sinh tự do bị mất bản chính học bạ THPT có nguyện vọng được dự thi năm 2020 phải có xác nhận lại bản sao học bạ được cấp, trên cơ sở đối chiếu với hồ sơ lưu của trường phổ thông nơi học lớp 12 hoặc căn cứ vào hồ sơ dự thi của các kỳ thi trước.

h) Ảnh của thí sinh là ảnh màu cỡ 4x6 cm, kiểu Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân (gọi chung là Chứng minh nhân dân), được chụp trước thời gian nộp hồ sơ không quá 06 tháng. Ảnh của thí sinh (có thể quét ảnh thí sinh đã nộp hoặc nhập từ file ảnh hoặc chụp ảnh trực tiếp) phải được nhập ngay khi nhập Phiếu ĐKDT. Ảnh của thí sinh đưa vào hệ thống có độ phân giải là 400x600 pixels và phải được gắn đúng với thí sinh.

i) Thời hạn ĐKDT:

- Từ ngày **15/6/2020 đến ngày 30/6/2020**, các đơn vị ĐKDT thực hiện thu hồ sơ ĐKDT theo quy định (riêng đối tượng thí sinh tự do phải nộp phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ và thông tin người nhận); nhập dữ liệu của thí sinh vào Hệ thống QLT. Sau khi đã nhập xong dữ liệu, in thông tin ĐKDT của thí sinh từ Hệ thống QLT, giao cho giáo viên chủ nhiệm hoặc người được phân công để tổ chức cho học sinh rà soát, ký xác nhận; phân công thực hiện kiểm tra chéo thông tin giữa các lớp.

- Sau khi kết thúc thời hạn ĐKDT, thí sinh không được thay các thông tin về bài thi/môn thi đã đăng ký.

- Chậm nhất ngày **07/7/2020**: các đơn vị ĐKDT phải hoàn thành việc nhập Hồ sơ ĐKDT cho thí sinh.

- Chậm nhất ngày **20/7/2020**: các đơn vị ĐKDT hoàn thành các công việc sau:

+ Thu Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT và hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT kèm theo; nhập dữ liệu của thí sinh vào Hệ thống QLT. Ngay sau khi nhập xong dữ liệu, in thông tin đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT của thí sinh từ Hệ thống QLT, giao cho giáo viên chủ nhiệm hoặc người được phân công tổ chức cho học sinh rà soát, ký xác nhận; phân công thực hiện kiểm tra chéo thông tin

giữa các lớp. Thí sinh là đối tượng thuộc điểm b khoản 1 Điều 12 Quy chế thi nộp hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT cùng hồ sơ ĐKDT.

+ Kiểm tra hồ sơ ĐKDT và các hồ sơ có liên quan đến Kỳ thi, xem xét điều kiện dự thi của từng thí sinh, xác nhận tư cách thí sinh, quyết định không cho thí sinh dự thi nếu không đủ điều kiện và hồ sơ hợp lệ; đồng thời, thông báo trực tiếp cho thí sinh. Sau đó, in Danh sách thí sinh ĐKDT theo thứ tự a, b, c,... của tên thí sinh, theo lớp/trường thí sinh đang học, theo đối tượng thuộc điểm b, điểm c khoản 1 Điều 12 Quy chế thi.

+ Lưu tại đơn vị Phiếu ĐKDT số 1; giao lại cho thí sinh Phiếu ĐKDT số 2; bàn giao cho sở GDĐT: Danh sách ĐKDT, túi hồ sơ ĐKDT gồm bản photocopy Căn cước công dân, 02 ảnh của thí sinh (để trong một phong bì thư ghi rõ họ tên);

- Đơn vị ĐKDT chịu trách nhiệm bảo quản Phiếu ĐKDT số 1, Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT kèm theo, Danh sách thí sinh ĐKDT để xuất trình kịp thời phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, công tác xét công nhận tốt nghiệp THPT và yêu cầu sửa chữa (nếu có).

- Khi làm thủ tục dự thi, thí sinh phải có Chứng minh nhân dân. Các trường phổ thông hướng dẫn để học sinh có Chứng minh nhân dân trước khi nộp Phiếu ĐKDT. Trong trường hợp không có Chứng minh nhân dân thì Hệ thống QLT sẽ gán cho thí sinh một mã số gồm 12 ký tự để quản lý. Những thí sinh muốn điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển ĐH, CĐ thì phải đăng ký số điện thoại, email của mình khi ĐKDT. Lưu ý: thí sinh đã đăng ký sơ tuyển phải dùng Chứng minh nhân dân thống nhất khi ĐKDT và đăng ký sơ tuyển.

- Sau khi nộp Phiếu ĐKDT, thí sinh sẽ được đơn vị ĐKDT cấp một tài khoản (là số chứng minh nhân dân) và mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống QLT qua internet tại địa chỉ <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>. Tài khoản này được thí sinh dùng để đăng nhập vào Hệ thống QLT từ khi ĐKDT đến khi xem kết quả thi, xét công nhận tốt nghiệp THPT, xét tuyển sinh ĐH, CĐ. Để bảo mật thông tin, khi nhận được tài khoản và mật khẩu thí sinh nên thay đổi ngay mật khẩu. Thí sinh cần phải bảo mật tài khoản và mật khẩu của mình. Trong trường hợp thí sinh quên tài khoản và mật khẩu thì có thể liên hệ với đơn vị ĐKDT để cấp lại.

Tùy từng thời điểm, khi đăng nhập vào Hệ thống QLT, thí sinh có thể biết được các thông tin như: Thông tin ĐKDT (phản hồi các sai sót nếu có trước ngày 05/7/2020); thông tin xét công nhận tốt nghiệp THPT (phản hồi các sai sót nếu có trước ngày 23/7/2020); Giấy báo dự thi; Địa điểm thi; Kết quả xét công nhận tốt nghiệp THPT; Kết quả xét tuyển sinh.

k) Sở GDĐT tăng cường kiểm tra, đôn đốc các đơn vị ĐKDT thực hiện tốt các công việc như: hướng dẫn thí sinh ĐKDT, thu Phiếu ĐKDT, hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT, cập nhật dữ liệu vào Hệ thống QLT. Chậm nhất ngày 01/8/2020, các đơn vị ĐKDT hoàn thành việc kiểm tra, cập nhật những sửa đổi, bổ sung dữ liệu (nếu có) đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT của thí sinh vào Hệ thống QLT để Sở tổng hợp và báo cáo Bộ GDĐT theo mẫu quy định trong Hệ thống QLT./.

PHỤ LỤC 3

MÃ TỈNH, HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ CỦA TỈNH PHÚ YÊN

MA_TINH	TỈNH	MA_QUAN/HUYEN	TEN_QUAN/HUYEN
39	Tỉnh Phú Yên	00	Sở Giáo dục và Đào tạo
39	Tỉnh Phú Yên	01	Thành phố Tuy Hòa
39	Tỉnh Phú Yên	02	Huyện Đồng Xuân
39	Tỉnh Phú Yên	03	Thị xã Sông Cầu
39	Tỉnh Phú Yên	04	Huyện Tuy An
39	Tỉnh Phú Yên	05	Huyện Sơn Hòa
39	Tỉnh Phú Yên	06	Huyện Sông Hinh
39	Tỉnh Phú Yên	07	Huyện Đông Hòa
39	Tỉnh Phú Yên	08	Huyện Phú Hòa
39	Tỉnh Phú Yên	09	Huyện Tây Hòa
39	Tỉnh Phú Yên	10	Thị xã Đông Hòa

PHỤ LỤC 4

**DANH MỤC TRƯỜNG THPT VÀ TRUNG TÂM GDNN-GDTX
HUYỆN, THỊ XÃ, GDTX TỈNH**

MÃ SỞ GDĐT PHÚ YÊN: 39

Mã Tỉnh	Mã Huyện	Mã Trường	Tên Trường	Địa chỉ	Khu vực
39	00	900	Quân nhân, Công an tại ngũ_39		3
39	00	800	Học ở nước ngoài_39		3
39	01	001	THPT Nguyễn Huệ	Thành phố Tuy Hòa	2
39	01	003	PT Dân tộc nội trú tỉnh	Thành phố Tuy Hòa	1
39	01	004	Phổ thông Duy Tân	Thành phố Tuy Hòa	2
39	01	005	THPT Chuyên Lương Văn Chánh	Thành phố Tuy Hòa	2
39	01	007	THPT Ngô Gia Tự	Thành phố Tuy Hòa	2
39	01	017	THPT Nguyễn Trãi	Thành phố Tuy Hòa	2
39	01	018	THPT Nguyễn Trường Tộ	Thành phố Tuy Hòa	2
39	01	019	THPT tư thục Nguyễn Bình Khiêm	Thành phố Tuy Hòa	2
39	01	022	Trung tâm GDTX tỉnh	Thành phố Tuy Hòa	2
39	10	023	Trung tâm GDNN- GDTX Tx. Đông Hòa (Từ ngày 01/6/2020)	Phường Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa	2
39	01	031	Trung tâm KTTH-HN tỉnh	Thành phố Tuy Hòa	2
39	01	032	Cao đẳng nghề Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa	2
39	01	036	Đại học Xây dựng Miền Trung	Thành phố Tuy Hòa	2
39	01	043	Cao đẳng Công thương Miền Trung	Thành phố Tuy Hòa	2
39	02	048	THPT Lê Lợi (Trước năm 2018)	Thị trấn La Hai, H. Đồng Xuân	1
39	02	014	THPT Lê Lợi (Từ năm 2018)	Thị trấn La Hai, H. Đồng Xuân	1
39	02	027	THPT Nguyễn Thái Bình	Xã Xuân Phước, H. Đồng Xuân	1
39	02	028	Trung tâm GDNN- GDTX H. Đồng Xuân	Thị trấn La Hai, H. Đồng Xuân	1
39	02	042	THCS và THPT Chu Văn An	Xã Xuân Lãnh, H. Đồng Xuân	1
39	03	012	THPT Phan Đình Phùng	Phường Xuân Phú, thị xã Sông Cầu	2
39	03	013	THPT Phan Chu Trinh (Từ năm 2018)	Xã Xuân Bình, thị xã Sông Cầu	1
39	03	054	THPT Phan Chu Trinh (Trước năm 2018)	Xã Xuân Bình, thị xã Sông Cầu	2
39	03	035	THCS và THPT Nguyễn Khuyến	Phường Xuân Đài, thị xã Sông Cầu	2
39	03	039	Trung tâm GDNN- GDTX Tx. Sông Cầu	Xã Xuân Phương, thị xã Sông Cầu	1
39	03	050	THCS và THPT Võ Nguyên Giáp (Trước năm 2018)	Xã Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu	1
39	03	046	THCS và THPT Võ Nguyên Giáp (Từ ngày 01/01/2020)	Xã Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu	1

39	03	055	THCS và THPT Võ Nguyên Giáp (Từ 2018 đến 2019)	Xã Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu	2
39	04	051	THPT Lê Thành Phương (Trước năm 2018)	Xã An Mỹ, H. Tuy An	1
39	04	010	THPT Lê Thành Phương (Từ năm 2018)	Xã An Mỹ, H. Tuy An	2NT
39	04	011	THPT Trần Phú	Thị trấn Chí Thạnh, H. Tuy An	2NT
39	04	025	THCS và THPT Võ Thị Sáu	Xã An Ninh Tây, H. Tuy An	1
39	04	034	Trung tâm GDNN-GDTX H. Tuy An	Thị trấn Chí Thạnh, H. Tuy An	2NT
39	04	041	THCS và THPT Nguyễn Viết Xuân	Xã An Định, H. Tuy An	2NT
39	05	015	THPT Phan Bội Châu	Thị trấn Củng Sơn, H. Sơn Hòa	1
39	05	026	Trường Trung cấp nghề thanh niên dân tộc Phú Yên	Thị trấn Củng Sơn, H. Sơn Hòa	1
39	05	040	THCS và THPT Nguyễn Bá Ngọc	Xã Sơn Long, H. Sơn Hòa	1
39	05	049	Trung tâm GDTX-HN H. Sơn Hòa	Thị trấn Củng Sơn, H. Sơn Hòa	1
39	06	016	THPT Nguyễn Du	Thị trấn Hai Riêng, H. Sông Hinh	1
39	06	033	Trung tâm GDNN-GDTX H. Sông Hinh	Thị trấn Hai Riêng, H. Sông Hinh	1
39	06	038	THPT Tôn Đức Thắng	Xã Eabar, H. Sông Hinh	1
39	06	045	THCS và THPT Võ Văn Kiệt	Xã Sơn Giang, H. Sông Hinh	1
39	10	006	THPT Lê Trung Kiên (Từ ngày 01/6/2020)	Phường Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa	2
39	10	020	THPT Nguyễn Công Trứ (Từ ngày 01/6/2020)	Thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa	2
39	07	030	THPT DL Lê Thánh Tôn	Xã Hòa Xuân Đông, H. Đông Hòa	2NT
39	07	052	THPT Nguyễn Văn Linh (Trước năm 2018)	Xã Hòa Hiệp Nam, H. Đông Hoà	1
39	10	037	THPT Nguyễn Văn Linh (Từ ngày 01/6/2020)	Phường Hòa Hiệp Trung, thị xã Đông Hoà	2
39	08	002	THPT Trần Quốc Tuấn	Xã Hòa Định Đông, H. Phú Hòa	2NT
39	08	024	THPT Trần Bình Trọng	Xã Hòa Thắng, H. Phú Hòa	2NT
39	08	029	THPT Trần Suyền	Xã Hòa Trị, H. Phú Hòa	2NT
39	08	044	Trung tâm GDNN- GDTX H. Phú Hòa	Xã Hòa Thắng, H. Phú Hòa	2NT
39	09	008	THPT Lê Hồng Phong	Thị trấn Phú Thứ, H. Tây Hòa	2NT
39	09	009	THPT Phạm Văn Đồng	Xã Hòa Phú, H. Tây Hòa	2NT
39	09	021	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Thị trấn Phú Thứ, H. Tây Hòa	2NT
39	09	047	Trung tâm GDNN-GDTX H. Tây Hòa	Thị trấn Phú Thứ, H. Tây Hòa	2NT

39	09	053	Cấp 2-3 Sơn Thành (Từ năm 2010 trở về trước)	Xã Sơn Thành Tây, H. Tây Hòa	1
39	07	056	THPT Lê Trung Kiên (Trước ngày 01/6/2020)	Thị trấn Hòa Vinh, H. Đông Hòa	2NT
39	07	057	THPT Nguyễn Công Trứ (Trước ngày 01/6/2020)	Thị trấn Hòa Vinh, H. Đông Hòa	2NT
39	07	058	THPT Nguyễn Văn Linh (Từ 2018 đến 01/6/2020)	Xã Hòa Hiệp Trung, H. Đông Hòa	2NT
39	07	059	Trung tâm GDNN-GDTX H. Đông Hòa (Trước ngày 01/6/2020)	Thị trấn Hòa Vinh, H. Đông Hòa	2NT

DANH MỤC ĐIỂM THU NHẬN HỒ SƠ ĐKDT

Mã Tỉnh	Mã Đơn vị ĐKDT	Đơn vị đăng ký dự thi	Địa chỉ
39	000	Sở GDĐT Phú Yên	56 Lê Duẩn, Tp. Tuy Hòa
39	001	THPT Nguyễn Huệ	Phường 5, Thành phố Tuy Hòa
39	002	THPT Trần Quốc Tuấn	Xã Hòa Định Đông, H. Phú Hòa
39	003	Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh	Phường 7, thành phố Tuy Hòa
39	004	Phổ thông Duy Tân	Phường 9, Thành phố Tuy Hòa
39	005	THPT Chuyên Lương Văn Chánh	Phường 7, Thành phố Tuy Hòa
39	006	THPT Lê Trung Kiên	Phường Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa
39	007	THPT Ngô Gia Tự	Phường Phú Lâm, thành phố Tuy Hòa
39	008	THPT Lê Hồng Phong	Thị trấn Phú Thứ, H. Tây Hòa
39	009	THPT Phạm Văn Đồng	Xã Hòa Phú, H. Tây Hòa
39	010	THPT Lê Thành Phương	Xã An Mỹ, H. Tuy An
39	011	THPT Trần Phú	Thị trấn Chí Thạnh, H. Tuy An
39	012	THPT Phan Đình Phùng	Phường Xuân Phú, thị xã Sông Cầu
39	013	THPT Phan Chu Trinh	Xã Xuân Bình, thị xã Sông Cầu
39	014	THPT Lê Lợi	Thị trấn La Hai, H. Đồng Xuân
39	015	THPT Phan Bội Châu	Thị trấn Củng Sơn, H. Sơn Hòa
39	016	THPT Nguyễn Du	Thị trấn Hai Riêng, H. Sông Hinh
39	017	THPT Nguyễn Trãi	Phường 5, thành phố Tuy Hòa
39	018	THPT Nguyễn Trường Tộ	Phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa
39	019	THPT tư thực Nguyễn Bình Khiêm	Phường 5, thành phố Tuy Hòa
39	020	THPT Nguyễn Công Trứ	Phường Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa
39	021	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Thị trấn Phú Thứ, H. Tây Hòa
39	022	Trung tâm GDTX tỉnh	Phường 2, thành phố Tuy Hòa
39	023	Trung tâm GDNN-GDTX Tx .Đông Hòa	Phường Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa
39	024	THPT Trần Bình Trọng	Xã Hòa Thắng, H. Phú Hòa
39	025	THCS và THPT Võ Thị Sáu	Xã An Ninh Tây, H. Tuy An
39	026	Trường Trung cấp nghề Thanh niên dân tộc Phú Yên	Xã Suối Bạc, H. Sơn Hòa
39	027	THPT Nguyễn Thái Bình	Xã Xuân Phước, H. Đồng Xuân
39	028	Trung tâm GDNN-GDTX H. Đồng Xuân	Thị trấn La Hai, H. Đồng Xuân
39	029	THPT Trần Suyền	Xã Hòa Trị, H. Phú Hòa
39	030	THPT DL Lê Thánh Tôn	Xã Hòa Xuân Đông, H. Đông Hòa
39	031	Trung tâm KTTH-HN tỉnh	Phường 6, thành phố Tuy Hòa
39	032	Cao đẳng nghề Phú Yên	Phường 7, thành phố Tuy Hòa
39	033	Trung tâm GDNN-GDTX H. Sông Hinh	Thị trấn Hai Riêng, H. Sông Hinh
39	034	Trung tâm GDNN-GDTX H. Tuy An	Thị trấn Chí Thạnh, H. Tuy An
39	035	THCS và THPT Nguyễn Khuyến	Phường Xuân Đài, thị xã Sông Cầu
39	036	Đại học Xây dựng Miền Trung	Phường 6, thành phố Tuy Hòa
39	037	THPT Nguyễn Văn Linh	Phường Hòa Hiệp Trung, thị xã Đông Hòa
39	038	THPT Tôn Đức Thắng	Xã Eabar, H. Sông Hinh

39	039	Trung tâm GDNN-GDTX Tx. Sông Cầu	Xã Xuân Phương, thị xã Sông Cầu
39	040	THCS và THPT Nguyễn Bá Ngọc	Xã Sơn Long, H. Sơn Hòa
39	041	THCS và THPT Nguyễn Viết Xuân	Xã An Định, H. Tuy An
39	042	THCS và THPT Chu Văn An	Xã Xuân Lãnh, H. Đồng Xuân
39	043	Cao đẳng Công thương Miền Trung	Phường 8, thành phố Tuy Hòa
39	044	Trung tâm GDNN-GDTX H. Phú Hòa	Xã Hòa Thắng, H. Phú Hòa
39	045	THCS và THPT Võ Văn Kiệt	Xã Sơn Giang, H. Sông Hinh
39	046	THCS và THPT Võ Nguyên Giáp	Xã Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu
39	047	Trung tâm GDNN-GDTX H. Tây Hòa	Thị trấn Phú Thứ, H. Tây Hòa

PHỤ LỤC 6

**DANH SÁCH CÁC XÃ KHÓ KHĂN, XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
ĐƯỢC HƯỞNG ƯU TIÊN KHU VỰC**

(* là xã đặc biệt khó khăn hoặc xã có thôn đặc biệt khó khăn)

Mã tỉnh	Tên tỉnh	Mã huyện	Tên huyện	Mã xã	Mã tỉnh, huyện, xã	Tên xã	Xã, Thôn ĐBK
39	Phú Yên	01	TP. Tuy Hòa	01	39_01_01	Xã An Phú	* Trước 25/01/2017
39	Phú Yên	02	Huyện Đồng Xuân	01	39_02_01	Thị trấn La Hai	Trước 28/4/2017
39	Phú Yên	02	Huyện Đồng Xuân	12	39_02_12	Thị trấn La Hai	* từ 28/4/2017
39	Phú Yên	02	Huyện Đồng Xuân	02	39_02_02	Xã Đa Lộc	*
39	Phú Yên	02	Huyện Đồng Xuân	03	39_02_03	Xã Phú Mỡ	*
39	Phú Yên	02	Huyện Đồng Xuân	04	39_02_04	Xã Xuân Lãnh	*
39	Phú Yên	02	Huyện Đồng Xuân	05	39_02_05	Xã Xuân Long	*
39	Phú Yên	02	Huyện Đồng Xuân	06	39_02_06	Xã Xuân Phước	*
39	Phú Yên	02	Huyện Đồng Xuân	07	39_02_07	Xã Xuân Quang 1	*
39	Phú Yên	02	Huyện Đồng Xuân	08	39_02_08	Xã Xuân Quang 2	*
39	Phú Yên	02	Huyện Đồng Xuân	09	39_02_09	Xã Xuân Quang 3	* Trước 28/4/2017
39	Phú Yên	02	Huyện Đồng Xuân	13	39_02_13	Xã Xuân Quang 3	Từ 28/4/2017
39	Phú Yên	02	Huyện Đồng Xuân	10	39_02_10	Xã Xuân Sơn Bắc	*
39	Phú Yên	02	Huyện Đồng Xuân	11	39_02_11	Xã Xuân Sơn Nam	* Trước 28/4/2017
39	Phú Yên	02	Huyện Đồng Xuân	16	39_02_16	Xã Xuân Sơn Nam	Từ 28/4/2017
39	Phú Yên	03	Thị xã Sông Cầu	01	39_03_01	Xã Xuân Cảnh	* Trước 25/01/2017
39	Phú Yên	03	Thị xã Sông Cầu	02	39_03_02	Xã Xuân Hải	* Trước 25/01/2017
39	Phú Yên	03	Thị xã Sông Cầu	03	39_03_03	Xã Xuân Lâm	*
39	Phú Yên	03	Thị xã Sông Cầu	04	39_03_04	Xã Xuân Phương	*
39	Phú Yên	03	Thị xã Sông Cầu	05	39_03_05	Xã Xuân Thịnh	*
39	Phú Yên	03	Thị xã Sông Cầu	06	39_03_06	Xã Xuân Thọ 2	*
39	Phú Yên	03	Thị xã Sông Cầu	15	39_03_15	Xã Xuân Bình	* Từ 25/01/ 2017
39	Phú Yên	03	Thị xã Sông Cầu	16	39_03_16	Xã Xuân Hòa	* Từ 25/01/ 2017
39	Phú Yên	03	Thị xã Sông Cầu	17	39_03_17	Xã Xuân Cảnh	* Từ ngày 01/01/ 2020
39	Phú Yên	04	Huyện Tuy An	01	39_04_01	Xã An Chấn	* Trước 25/01/2017
39	Phú Yên	04	Huyện Tuy An	02	39_04_02	Xã An Cư	* Trước 25/01/2017
39	Phú Yên	04	Huyện Tuy An	03	39_04_03	Xã An Hải	*
39	Phú Yên	04	Huyện Tuy An	04	39_04_04	Xã An Hiệp	*
39	Phú Yên	04	Huyện Tuy An	05	39_04_05	Xã An Hòa	*
39	Phú Yên	04	Huyện Tuy An	06	39_04_06	Xã An Lĩnh	* Trước 28/4/2017
39	Phú Yên	04	Huyện Tuy An	19	39_04_19	Xã An Lĩnh	Từ 28/4/ 2017
39	Phú Yên	04	Huyện Tuy An	07	39_04_07	Xã An Mỹ	* Trước 25/01/2017
39	Phú Yên	04	Huyện Tuy An	08	39_04_08	Xã An Ninh Đông	*
39	Phú Yên	04	Huyện Tuy An	09	39_04_09	Xã An Ninh Tây	*
39	Phú Yên	04	Huyện Tuy An	10	39_04_10	Xã An Thọ	* Trước 28/4/2017
39	Phú Yên	04	Huyện Tuy An	18	39_04_18	Xã An Thọ	Từ 28/4/ 2017
39	Phú Yên	04	Huyện Tuy An	11	39_04_11	Xã An Xuân	* Trước 28/4/2017
39	Phú Yên	04	Huyện Tuy An	20	39_04_20	Xã An Xuân	Từ 28/4/2017
39	Phú Yên	04	Huyện Tuy An	21	39_04_21	Xã An Hòa Hải	* Từ ngày 01/01/2020
39	Phú Yên	05	Huyện Sơn Hòa	01	39_05_01	Thị trấn Củng Sơn	
39	Phú Yên	05	Huyện Sơn Hòa	02	39_05_02	Xã Cà Lúi	*

39	Phú Yên	05	Huyện Sơn Hòa	03	39_05_03	Xã Ea Chà Rang	*
39	Phú Yên	05	Huyện Sơn Hòa	04	39_05_04	Xã Krông Pa	*
39	Phú Yên	05	Huyện Sơn Hòa	05	39_05_05	Xã Phước Tân	*
39	Phú Yên	05	Huyện Sơn Hòa	06	39_05_06	Xã Sơn Định	*
39	Phú Yên	05	Huyện Sơn Hòa	07	39_05_07	Xã Sơn Hà	*
39	Phú Yên	05	Huyện Sơn Hòa	08	39_05_08	Xã Sơn Hội	*
39	Phú Yên	05	Huyện Sơn Hòa	09	39_05_09	Xã Sơn Long	
39	Phú Yên	05	Huyện Sơn Hòa	10	39_05_10	Xã Sơn Nguyên	* Trước 28/4/2017
39	Phú Yên	05	Huyện Sơn Hòa	16	39_05_16	Xã Sơn Nguyên	Từ 28/4 /2017
39	Phú Yên	05	Huyện Sơn Hòa	11	39_05_11	Xã Sơn Phước	*
39	Phú Yên	05	Huyện Sơn Hòa	12	39_05_12	Xã Sơn Xuân	
39	Phú Yên	05	Huyện Sơn Hòa	13	39_05_13	Xã Suối Bạc	*
39	Phú Yên	05	Huyện Sơn Hòa	14	39_05_14	Xã Suối Trai	*
39	Phú Yên	06	Huyện Sông Hinh	01	39_06_01	Thị trấn Hai Riêng	*
39	Phú Yên	06	Huyện Sông Hinh	02	39_06_02	Xã Đức Bình Đông	*
39	Phú Yên	06	Huyện Sông Hinh	03	39_06_03	Xã Đức Bình Tây	*
39	Phú Yên	06	Huyện Sông Hinh	04	39_06_04	Xã Ea Bá	*
39	Phú Yên	06	Huyện Sông Hinh	05	39_06_05	Xã Ea Bar	*
39	Phú Yên	06	Huyện Sông Hinh	06	39_06_06	Xã Ea Bia	*
39	Phú Yên	06	Huyện Sông Hinh	07	39_06_07	Xã Ea Lâm	*
39	Phú Yên	06	Huyện Sông Hinh	08	39_06_08	Xã Ea Ly	* Trước 28/42017
39	Phú Yên	06	Huyện Sông Hinh	15	39_06_15	Xã Ea Ly	Từ 28/42017
39	Phú Yên	06	Huyện Sông Hinh	09	39_06_09	Xã Ea Trol	*
39	Phú Yên	06	Huyện Sông Hinh	10	39_06_10	Xã Sơn Giang	*
39	Phú Yên	06	Huyện Sông Hinh	11	39_06_11	Xã Sông Hinh	*
39	Phú Yên	07	Huyện Đông Hòa	01	39_07_01	Xã Hòa Hiệp Nam	* Trước 25/01/2017
39	Phú Yên	10	Thị xã Đông Hòa	03	39_10_03	Xã Hòa Tâm	* Từ 01/6/2020
39	Phú Yên	07	Huyện Đông Hòa	02	39_07_02	Xã Hòa Tâm	*
39	Phú Yên	08	Huyện Phú Hòa	01	39_08_01	Xã Hòa Hội	*
39	Phú Yên	09	Huyện Tây Hòa	01	39_09_01	Xã Hòa Mỹ Tây	
39	Phú Yên	09	Huyện Tây Hòa	02	39_09_02	Xã Hòa Thịnh	
39	Phú Yên	09	Huyện Tây Hòa	03	39_09_03	Xã Sơn Thành Đông	
39	Phú Yên	09	Huyện Tây Hòa	04	39_09_04	Xã Sơn Thành Tây	* Trước 28/4/ 2017
39	Phú Yên	09	Huyện Tây Hòa	05	39_09_05	Xã Sơn Thành Tây	Từ 28/4/ 2017

**BẢNG PHÂN CHIA CÁC KHU VỰC TUYỂN SINH
THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH THUỘC TỈNH PHÚ YÊN**

Mã Tỉnh	Khu Vực	Đơn vị hành chính (Huyện, Xã thuộc huyện)
39	KV1	Gồm các huyện: Sơn Hòa, Sông Hinh, Đồng Xuân và các xã: Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây, Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh (thuộc huyện Tây Hòa); các xã Xuân Lâm, Xuân Thịnh, Xuân Thọ 2, Xuân Phương, Xuân Bình, Xuân Cảnh (thuộc thị xã Sông Cầu); xã An Hòa Hải , An Ninh Đông, An Ninh Tây, An Hiệp, An Lĩnh, An Thọ, An Xuân (thuộc huyện Tuy An); Hòa Tâm, (thuộc thị xã Đông Hòa); Hòa Hội (thuộc huyện Phú Hòa);
39	KV2-NT	Gồm các huyện: Tây Hòa, Tuy An, Phú Hòa, trừ các xã: Sơn Thành Tây, Sơn Thành Đông, Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh (thuộc huyện Tây Hòa); xã An Hòa Hải , An Ninh Đông, An Ninh Tây, An Hiệp, An Thọ, An Xuân, An Lĩnh, (thuộc huyện Tuy An); Hòa Tâm (thuộc thị xã Đông Hòa); Hòa Hội (thuộc huyện Phú Hòa).
39	KV2	Gồm các xã, phường của thành phố Tuy Hòa, thị xã Đông Hòa và thị xã Sông Cầu; trừ các xã: Xuân Lâm, Xuân Thịnh, Xuân Thọ 2, Xuân Phương, Xuân Bình, Xuân Cảnh (thuộc thị xã Sông Cầu); Hòa Tâm (thị xã Đông Hòa)
39	KV3	Không

DANH MỤC HỒ SƠ MINH CHỨNG
ĐỐI TƯỢNG, KHU VỰC HƯỞNG ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH NĂM 2020
(Trích Điều 7, Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT, ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Diện ưu tiên	Nội dung được quy định tại Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	Yêu cầu minh chứng (bản sao có công chứng)
1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng.		
Đối tượng 01	<i>Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại Khu vực 1 (KV1) quy định tại điểm c khoản 4 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh.</i>	1/ Giấy Khai sinh; 2/ Hộ khẩu.
Đối tượng 02	<i>Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.</i>	Giấy chứng nhận của cấp có thẩm quyền theo quy định.
Đối tượng 03	<ul style="list-style-type: none"> + Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh”; + Quân nhân, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; + Quân nhân, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; + Quân nhân, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định; + Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm i, k, l, m khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ưu đãi người có công với cách mạng. 	Giấy chứng nhận của cấp có thẩm quyền theo quy định.
Đối tượng 04	<ul style="list-style-type: none"> + Con liệt sĩ; + Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; + Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; + Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; + Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh” mà người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh” bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; + Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động; + Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hằng tháng; 	Giấy chứng nhận là con của các đối tượng được nêu, do Phòng Lao động Thương binh Xã hội cấp

Diện ưu tiên	Nội dung được quy định tại Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	Yêu cầu minh chứng (bản sao có công chứng)
	+ Con của người có công với cách mạng quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 về việc ưu đãi người có công với cách mạng	
Đối tượng 05	+ Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; + Quân nhân, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở khu vực I và dưới 18 tháng ở khu vực khác; + Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi hay đăng ký xét tuyển.	Giấy chứng nhận của cấp có thẩm quyền theo quy định.
Đối tượng 06	+ Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;	Giấy khai sinh
Đối tượng 06	+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; + Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%; + Con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.	Giấy chứng nhận là con của các đối tượng được nêu, do Phòng Lao động Thương binh Xã hội cấp
Đối tượng 06	+ Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế có giấy chứng nhận được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. (Điều 49; Dành cho người tham gia cách mạng trước tháng 4/1975)	1/ Giấy tờ chứng minh được tặng Huân chương Kháng chiến hoặc Huân chương chiến thắng, Huy chương Kháng chiến hoặc Huy chương Chiến thắng; 2/ Quyết định trợ cấp một lần của Giám đốc Sở Lao động – TBXH; 3/ Giấy khai sinh.
Đối tượng 06	+ Con của người có công giúp đỡ cách mạng.	1/ Giấy tờ chứng minh đã được khen tặng vì thành tích giúp đỡ cách mạng; 2/ Quyết định trợ cấp của Giám đốc Sở Lao động – TBXH; 3/ Giấy khai sinh.

Diện ưu tiên	Nội dung được quy định tại Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	Yêu cầu minh chứng (bản sao có công chứng)
Đối tượng 07	<p>+ Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;</p> <p>+ Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;</p> <p>+ Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành sư phạm;</p> <p>+ Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp được đã công tác đủ 3 năm trở lên thi vào nhóm ngành sức khỏe.</p>	Giấy chứng nhận của cấp có thẩm quyền theo quy định.
2. Chính sách ưu tiên theo khu vực		
Khu vực	<p>a) Thí sinh học liên tục và tốt nghiệp trung học tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong 3 năm học trung học phổ thông (hoặc trong thời gian học trung cấp) có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp ở khu vực nào, hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Quy định này áp dụng cho tất cả thí sinh, kể cả thí sinh đã tốt nghiệp từ trước năm thi tuyển sinh.</p>	Học bạ
Khu vực	<p>b) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú; - Học sinh các trường, lớp dự bị ĐH. 	1/ Học bạ; 2/ Hộ khẩu.
Khu vực	<p>b) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III thuộc và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135; các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn. 	1/ Học bạ; 2/ Hộ khẩu.
Khu vực	<p>b) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự thi, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực 	1/ Quyết định cử đi dự thi 2/ Hộ khẩu.

Diện ưu tiên	Nội dung được quy định tại Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	Yêu cầu minh chứng (bản sao có công chứng)
	<i>đó hoặc theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ.</i>	